

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	32,500 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	9.4%	9.1%	15.2%

DT thuần	2024		
	737	YoY	▲ 114
	tỷ VNĐ		▲ 18.4%

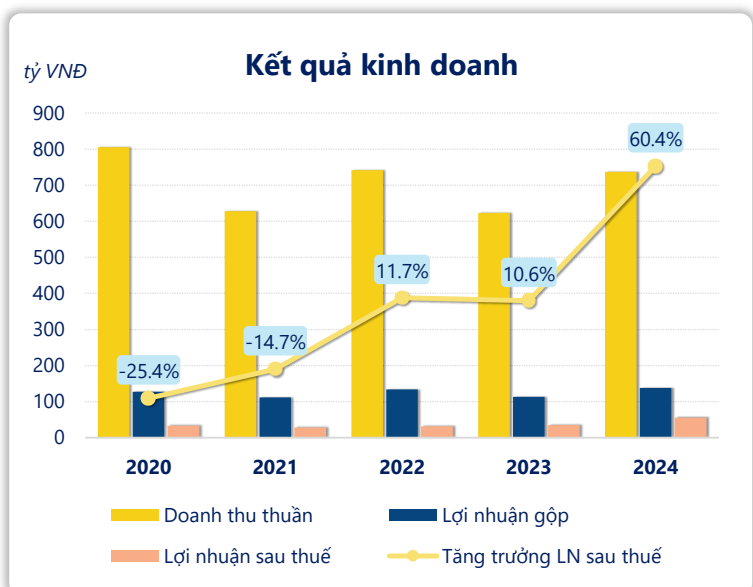
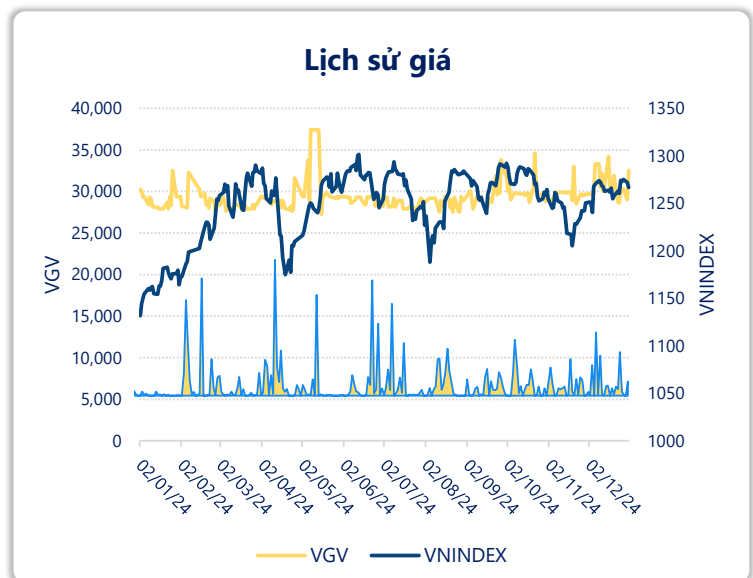
LN góp	2024		
	138	YoY	▲ 25.0
	tỷ VNĐ		▲ 21.9%

LN thuần	2024		
	68.0	YoY	▲ 22.0
	tỷ VNĐ		▲ 47.8%

LN sau thuế	2024		
	55.8	YoY	▲ 21.0
	tỷ VNĐ		▲ 60.4%

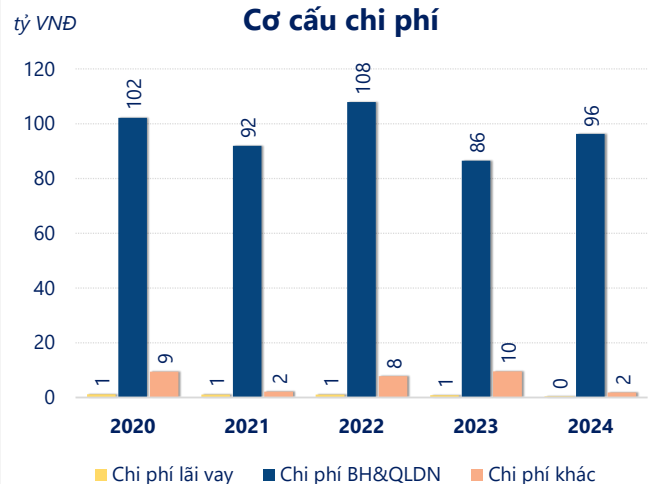
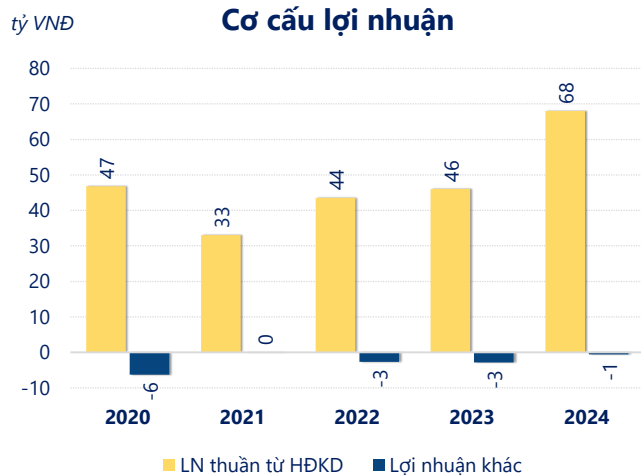
ROE	2024		
	9.7%	+/- YoY	▲ 3.7%

ROA	2024		
	4.1%	+/- YoY	▲ 1.6%



Năm **2024**, **VGV** ghi nhận doanh thu thuần **737.1** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **55.78** tỷ đồng, lần lượt **tăng 18.4%** và **tăng 60.4%** so với năm trước.

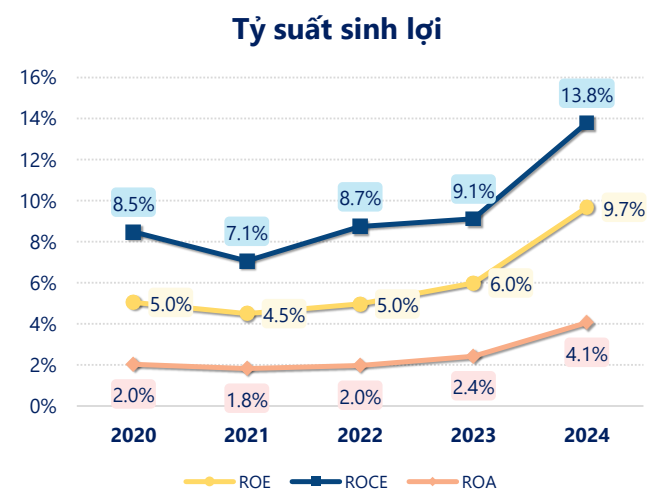
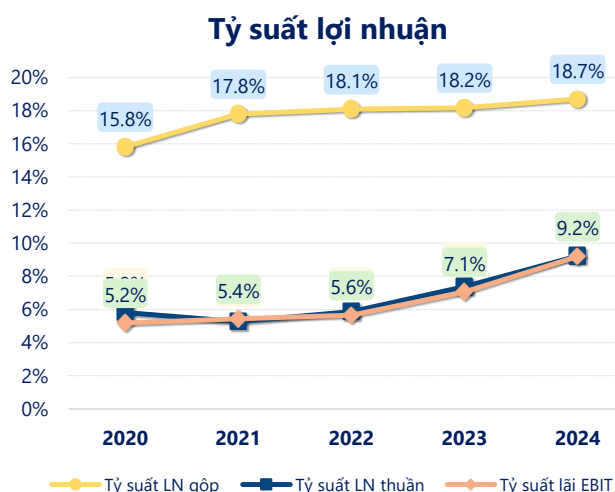
Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **9.68%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.



Năm **2024**, VGV có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **68.00** tỷ đồng, **tăng lên 22.01** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (47.48 tỷ đồng) là 20.52 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.37** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **96.21** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác bằng 1.77** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của VGV năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **9.68%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.



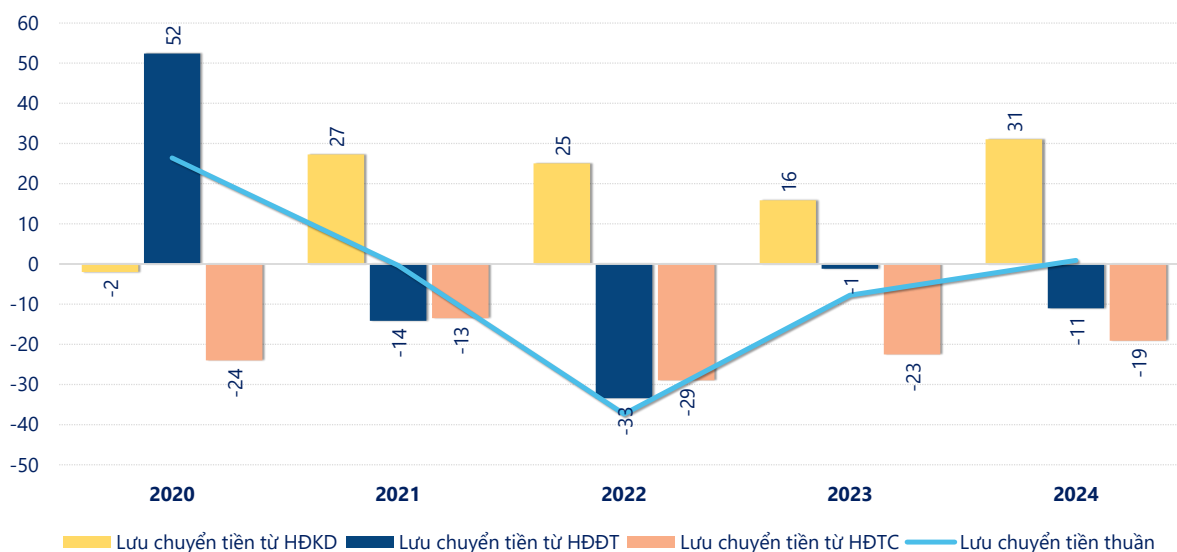
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	805	628	742	623	737
Giá vốn hàng bán	678	516	608	510	599
Lợi nhuận gộp	127	112	134	113	138
Doanh thu HĐTC	19.6	15.4	19.0	21.6	22.6
Chi phí TC	1.39	1.37	1.04	0.82	0.43
Chi phí lãi vay	1.21	1.02	1.01	0.81	0.37
LN trong công ty LKLD	3.36	-0.88	-0.56	-1.47	4.12
Chi phí bán hàng	0.03	0.08	0.00	0.00	0.00
Chi phí QLDN	102	91.9	108	86.5	96.2
LN thuần từ HĐKD	46.8	33.1	43.5	46.0	68.0
Lợi nhuận khác	-6.27	0.05	-2.65	-2.82	-0.57
LN trước thuế	40.5	33.1	40.9	43.2	67.4
Lợi nhuận sau thuế	33.0	28.2	31.4	34.8	55.8
LNST của CĐ cty mẹ	23.8	20.9	22.9	27.9	46.1

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VGV bằng **0.86** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-7.80 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **31.05** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-11.05** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-19.14** tỷ đồng.